TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26/5/2021
"Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ánh.
Ông Trần Văn Truyện.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 204 /2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 248/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1988.
Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
Địa chỉ tạm trú: Ấp 5, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Tuấn E, sinh năm 1985.
Địa chỉ thường trú: Ấp T2, xã T2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
Địa chỉ tạm trú: Ấp 5, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Thanh T có mặt, anh Tuấn E vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị Lê Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Tuấn E cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, thành phố C. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 04 năm đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Chị T đã cho anh Tuấn E thời gian nhiều năm qua để hàn gắn tình cảm nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh Tuấn E thường vô cớ ghen tuông, xúc phạm danh dự nhân phẩm và có hành vi bạo hành đối với chị T. Nhận thấy hiện tại mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng không giải quyết được, hôn nhân không hạnh phúc đã nhiều năm. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn Tuấn E.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Thị Bảo H - sinh ngày 08/4/2011 hiện đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên hòa giải, anh Đỗ Văn Tuấn E trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian cưới nhau. Anh thừa nhận thời gian qua anh có thường xuyên uống rượu, do vợ chồng giận nhau nên anh đi làm không có phụ tiếp vợ kinh tế. Bên cạnh đó, vì thương vợ nên anh có ghen tuông khi vợ đi đám tiệc. Hiện tại anh Tuấn E còn rất thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn với chị T. Anh Tuấn E hứa sẽ thay đổi, không sa đà vào rượu bia và thay đổi tính tình để vợ chồng hàn gắn tình cảm, vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm lo cho con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Thị Bảo H - sinh ngày 08/4/2011 hiện đang sống chung với vợ chồng. Trường hợp ly hôn, con chung muốn sống chung với ai thì anh Tuấn E đồng ý theo nguyện vọng của con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp gồm:*

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

+ Trích lục khai sinh con chung (bản sao);

+ Đơn yêu cầu hòa giải sớm (bản chính).

+ Văn bản trình bày ý kiến của con chung (bản chính).

* Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã M huyện Tháp Mười nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Thanh T và anh Đỗ Văn Tuấn E tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại xã T2, thành phố C. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị T và anh Tuấn E cho thấy giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm qua đến nay. Chị T cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do anh Tuấn E thường hay uống rượu vắng nhà qua đêm, không có trách nhiệm với chị T và con chung, nhiều năm nay chị T phải tự lo kinh tế gia đình và tự chăm sóc con chung, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không còn ai quan tâm dến ai. Do đó, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Tuấn E; Về phía anh Tuấn E cũng thừa nhận bản thân có sa đà vào rượu chè, không

phụ tiếp chị T kinh tế chăm lo cho con, tuy nhiên hiện tại anh vẫn còn rất thương vợ, tại phiên hòa giải anh hứa sẽ thay đổi để vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ để cùng chăm lo cho con. Tuy nhiên, tại các lần mở phiên tòa xét xử anh Tuấn E đều vắng mặt, và trong thời gian chờ đến ngày Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vụ án thì anh cũng không có cung cấp tài liệu chứng cứ hay văn bản gì cho Tòa án thể hiện anh có thành ý hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T.

Qua đó thể hiện sự thiếu trách nhiệm của anh đối với quan hệ hôn nhân, tình trạng giữa anh chị mâu thuẫn không giải quyết được cũng như mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Đỗ Văn Tuấn E.

[4.2] Quan hệ nuôi con chung:

Chị T và anh Tuấn E trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Thị Bảo H - sinh ngày 08/4/2011 hiện đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh Tuấn E trình bày trường hợp nếu vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý theo nguyện vọng của con chung.

Xét thấy, trong suốt thời gian qua chị T là người chăm lo cho con chung. Bên cạnh đó, cháu Bảo H cũng có văn bản trình bày nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo môi trường thuận lợi cho sự phát triển tốt nhất của cháu Bảo H, đảm bảo tâm lý của cháu được ổn định khi cha mẹ ly hôn, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận để cháu Bảo H được tiếp tục sống chung với chị T.

Chị T và anh Tuấn E có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh Tuấn E được quyền thăm con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

"*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm

con của người đó".

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét .

[4.3] Quan hệ chia tài sản: Chị Lê Thị Thanh T và anh Đỗ Văn Tuấn E xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Đỗ Văn Tuấn E.

Về quan hệ nuôi con chung: Chị Lê Thị Thanh T được trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ Thị Bảo H - sinh ngày 08/4/2011, hiện đang sống chung với chị T.

Chị T và anh Tuấn E có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh Tuấn E được quyền thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về quan hệ chia tài sản: Chị Lê Thị Thanh T và anh Đỗ Văn Tuấn E xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011591 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyệnTháp Mười;
- Chi cục THADS huyệnTháp Mười;
- UBND xã T2, Tp. Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ (ML).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Tuấn